

Thuật toán ứng dụng

Bài thực hành số 2: Tìm kiếm vết cạn

TS. Đinh Viết Sang, TA. Đặng Xuân Vương



Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông

Ngày 20 tháng 12 năm 2020

Mục lục

1 KNAPSAC

2 TSP

3 CBUS

4 TAXI

5 BACP

6 Tổng kết

1 KNAPSAC

2 TSP

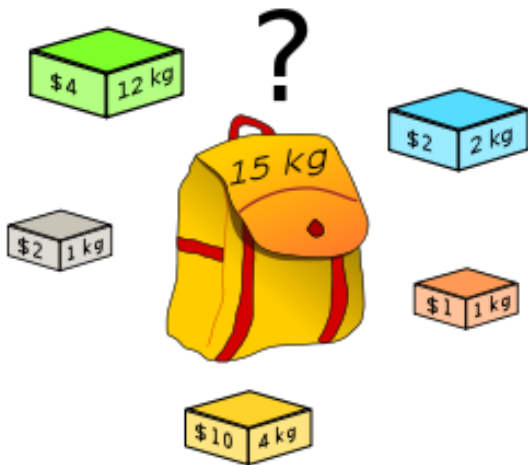
3 CBUS

4 TAXI

5 BACP

6 Tổng kết

- Cho n đồ vật và một cái túi có sức chứa tối đa là M . Mỗi đồ vật có khối lượng và giá trị của nó.
- Tìm cách lấy một số đồ vật sao cho tổng khối lượng không vượt quá M và tổng giá trị lớn nhất có thể.



- Mỗi cách chọn lấy các đồ vật tương ứng với một dãy nhị phân độ dài n . Bit thứ i là 0/1 tương ứng là không lấy/có lấy đồ vật thứ i .
- Xét hết các xâu nhị phân độ dài n và tìm nghiệm tốt nhất.
- Ta có thể sử dụng vòng lặp hoặc dùng đệ quy - quay lui.
- Độ phức tạp $O(2^n \times n)$

Code 1a

```
main(){
    cin >> n >> M;
    for (int i = 0; i < n; ++i)
        cin >> m[i] >> v[i];
    int ans = 0;
    for (int mask = 1 << n - 1; mask >= 0; mask--) {
        // mask = [0..2^n-1]
        int sumM = 0, sumV = 0;
        for (int i = 0; i < n; ++i)
            if (mask >> i & 1){//bit thu i = 1
                sumM += m[i];
                sumV += v[i];
            }
        if (sumM <= M) ans = max(ans, sumV);
    }
    cout << ans;
}
```

Code 1b

```
void duyet(int i,int sum,int val){
    if (i>n){
        if (val>best) best=val;
        return;
    }
    duyet(i+1,sum,val); //bit 0
    if (sum+m[i]<=M)
        duyet(i+1,sum+m[i],val+v[i]); //bit 1
}
```


Cải tiến với nhánh và cận

- Gọi $maxAVW$ là giá trị trung bình theo khối lượng lớn nhất của tất cả các đồ vật ($maxAVW = \max(\lceil v[i]/m[i] \rceil), \forall i \in [1, n]$).
- Cận trên là $val + v[i] + maxAVW \times (M - sum - m[i])$

```
void duyet(int i,int sum,int val){
    if (i>n){
        if (val>best) best=val;
        return;
    }
    duyet(i+1,sum,val); //bit 0
    if (sum+m[i]<=M &&
        val+v[i]+maxAVW*(M-sum-m[i])>best)
        duyet(i+1,sum+m[i],val+v[i]); //bit 1
}
```

- Chia tập đồ vật làm hai phần A và B. Mỗi cách chọn lấy các đồ vật tương ứng với một cách lấy bên A kết hợp với một cách lấy bên B.
- Ý tưởng chính ở đây là lưu trữ hết các cách lấy bên B và sắp xếp trước theo một thứ tự. Sau đó với mỗi cách lấy bên A, ta có thể tìm kiếm nghiệm tối ưu bên B một cách nhanh chóng.
- Giả sử cách lấy tối ưu là lấy m_A bên A và m_B bên B, ta sẽ xét tuần tự từng m_A một và tìm kiếm nhị phân m_B .
- Độ phức tạp $O(2^{|A|} \times \log(2^{|B|}) + 2^{|A|} \times |A| + 2^{|B|} \times |B|) = O(2^{n/2} \times n)$ nếu chọn $|A| = |B| = n / 2$

Cài đặt thuật toán 2

- $S1, S2$ là tập các cách lấy bên A, bên B
- $S2$ được sắp xếp tăng dần theo tổng khối lượng các đồ vật được lấy
- $\max V[j]$ là $\max(S2[0..j].v)$
- $S1$ và $S2$ được tính bằng đệ quy - quay lui

Code 2

```
int ans = -1e9;
for(int i=0;i<S1.size();++i){
    int L = 0, H = S2.size()-1, j = -1;
    while (L<=H){
        int m = (L+H)/2;
        if (S1[i].m + S2[m].m <= M){
            j = m;
            L = m+1;
        } else H = m-1;
    }
    if (j!=-1){
        ans = max(ans, S1[i].v + maxV[j]);
    }
}
cout << ans;
```

Mục lục

1 KNAPSAC

2 TSP

3 CBUS

4 TAXI

5 BACP

6 Tổng kết

- Cho một đồ thị đầy đủ có trọng số.
- Tìm một cách di chuyển qua mỗi đỉnh đúng một lần và quay về đỉnh xuất phát sao cho tổng trọng số các cạnh đi qua là nhỏ nhất (chu trình hamilton nhỏ nhất).

- Mỗi cách di chuyển ứng với một hoán vị của n đỉnh.
- Xét hết các hoán vị và tìm nghiệm tốt nhất.
- Để xét hết các hoán vị, có thể dùng vòng lặp kết hợp thuật toán sinh kế tiếp hoặc đệ quy - quay lui.

Code 1a

```
int calc(int a[], int c[][]) {
    cost = 0;
    for (int i = 0; i < n; i++) {
        cost += c[a[i]][a[(i + 1) % n]];
    }
    return cost;
}

int solve(n, c) {
    answer = INF;
    a = {1, 2, ..., n};
    while (1) {
        answer = min(answer, calc(a, c));
        if (a == {n, n - 1, ..., 1}) {
            break;
        }
        a = next_permutation(a);
    }
}
```

Cài đặt bằng đệ quy

- i là số đỉnh đã đi qua, sum là tổng trọng số đường đi
- Mảng $x[.]$ toàn cục lưu danh sách các đỉnh đi qua theo thứ tự..
- $mark[j] = 0/1$ lần lượt tương ứng với việc đỉnh j không thuộc/thuộc $x[.]$.
- Mảng $c[.][.]$ toàn cục lưu ma trận trọng số

Code 1b

```
void duyet(int i,int sum){
    if (i==n+1){
        if (sum+c[x[n]][1] < best)
            best=sum+c[x[n]][1];
        return;
    }
    for (int j=2;j<=n;++j)
        if (!mark[j]){
            mark[j]=1;
            x[i]=j;
            duyet(i+1,sum+c[x[i-1]][j]);
            mark[j]=0;
        }
}
```

Cải tiến bằng nhánh và cận

- Gọi $\text{minC} = \min(c[.][.])$
- Cận dưới là $\text{sum} + c[x[i - 1]][j] + \text{minC} \times (n - i)$

```
void duyet(int i,int sum){
    if (i==n+1){
        if (sum+c[x[n]][1] < best)
            best=sum+c[x[n]][1];
        return;
    }
    for (int j=2;j<=n;++j)
        if (!mark[j]){
            if (sum+c[x[i-1]][j]+minC*(n-i)<best){
                mark[j]=1;
                x[i]=j;
                duyet(i+1,sum+c[x[i-1]][j]);
                mark[j]=0;
            }
        }
}
```

- Ta chỉ cần quan tâm đến đường đi ngắn nhất đi qua một tập đỉnh và đỉnh cuối cùng được thăm.
- Ví dụ: trong các thứ tự thăm $(1 \rightarrow 2 \rightarrow 3 \rightarrow 4)$ và $(1 \rightarrow 3 \rightarrow 2 \rightarrow 4)$, ta chỉ cần quan tâm đến đường đi ngắn hơn.
- Sử dụng mảng $save[X][p]$ để lưu lại độ dài đường đi ngắn nhất đi qua tập đỉnh X và dừng tại đỉnh p .
 - Bit thứ i của X xác định đỉnh i đã được thăm chưa. Kỹ thuật này được gọi là bitmask
 - Kỹ thuật sử dụng mảng $save[.][.]$ để lưu lại kết quả mỗi lần gọi đệ quy được gọi là đệ quy có nhớ.
- Hàm $duyet(X, p)$ trả về đường đi ngắn nhất từ đỉnh p đi qua tất cả các đỉnh không thuộc X và quay về 0

Code 2a

```
int duyet(int X, int p){
    if (__builtin_popcount(X) == n) return c[p][0];
    if (save[X][p] != -1) return save[X][p];
    int ans = 2e9;
    for (int s = 0; s < n; ++s)
        if ((X >> s & 1) == 0){
            ans = min(ans, c[p][s]
                + duyet(1 << s | X, s));
        }
    save[X][p] = ans;
    return ans;
}
```

- Cận dưới là $c[p][s] + \min C \times (n - i)$

```
int duyet(int X, int p){
    int i = __builtin_popcount(X);
    if (i == n) return c[p][0];
    if (save[X][p] != -1) return save[X][p];
    int ans = 2e9;
    for (int s = 0; s < n; ++s)
        if ((X >> s & 1) == 0 &&
            c[p][s] + minC * (n - i) < ans){
            ans = min(ans, c[p][s]
                + duyet(1 << s | X, s));
        }
    save[X][p] = ans;
    return ans;
}
```


Mục lục

1 KNAPSAC

2 TSP

3 CBUS

4 TAXI

5 BACP

6 Tổng kết

- Có n hành khách $1, 2, \dots, n$, hành khách i cần di chuyển từ địa điểm i đến địa điểm $i + n$
- Xe khách xuất phát ở địa điểm 0 và có thể chứa tối đa k hành khách
- Cho ma trận c với $c(i, j)$ là khoảng cách di chuyển từ địa điểm i đến địa điểm j
- Tính khoảng cách ngắn nhất để xe khách phục vụ hết n hành khách và quay trở về địa điểm 0
- **Lưu ý:** Ngoại trừ địa điểm 0, các địa điểm khác chỉ được thăm tối đa 1 lần

- Lời giải của bài toán là một hoán vị các đỉnh (tương tự bài TSP)
- Với mỗi hoán vị, cần kiểm tra ràng buộc:
 - Số hành khách trên xe không vượt quá k tại bất kỳ thời điểm nào
 - Đỉnh i phải được thăm trước đỉnh $i + n, \forall i \in [1, \dots, n]$
- Ta sử dụng lại các thuật toán đã sử dụng cho bài TSP nhưng có thêm kiểm tra ràng buộc.

Kiểm tra hoán vị

```
bool checkPermutation(int a[]) {  
    int count = 0;  
    bool flag[n];  
    memset(flag, false, sizeof(flag));  
    for (int i = 1; i <= 2 * n; i++) {  
        if (a[i] <= n) {  
            count++;  
            flag[a[i]] = true;  
            if (count > k) return false;  
        }  
        else {  
            if (!flag[a[i]-n]) return false;  
            else count--;  
        }  
    }  
    return true;  
}
```

Kiểm tra trong hàm đệ quy

```
count = 0;
duyet(int X, int p) {
    ...
    for (s in [1, 2*n] and s not in X) {
        if (s <= n) {
            if (count + 1 > k) continue;
            flag[s] = true;
            count++;
        } else {
            if (flag[s-n] == false) continue;
            count--;
        }
    }
}
```

Kiểm tra trong hàm đệ quy

```
...
duyet(1 << s || X, s);
...
if (s <= n) {
    count--;
    flag[s] = false;
}
else count++;
}
...
}
```

Mục lục

1 KNAPSAC

2 TSP

3 CBUS

4 TAXI

5 BACP

6 Tổng kết

- Có n hành khách được đánh số từ 1 tới n .
- Có $2n + 1$ địa điểm được đánh số từ 0 tới $2n$
- Hành khách thứ i muốn đi từ địa điểm thứ i đến địa điểm thứ $i + n$
- Taxi xuất phát ở địa điểm thứ 0 và phải phục vụ n hành khách và quay lại địa điểm thứ 0 sao cho không điểm nào được đi lại 2 lần và tại một thời điểm chỉ có 1 hành khách được phục vụ.
- Cho khoảng cách giữa các địa điểm. Tính quãng đường nhỏ nhất mà tài xế Taxi phải đi.

Bài TAXI vừa là trường hợp đặc biệt của bài CBUS, vừa có thể quy dẫn về bài TSP:

- Bài TAXI có thể xem là trường hợp đặc biệt của bài CBUS với $k = 1$.
- Bài TAXI có thể quy dẫn về bài TSP:
 - Ta luôn phải đi qua mọi cạnh $(i, i + n)$
 - Xét đồ thị G'
 - Việc đưa đón hành khách thứ i là đỉnh i của đồ thị G'
 - Cung $(i, j) \in G'$ được tính bằng $c[i + n][j]$ với $c[.][.]$ là trọng số cạnh của đồ thị ban đầu
 - Kết quả của bài toán là lời giải TSP trên đồ thị G' cộng với tổng trọng số các cạnh $(i, i + n)$

Mục lục

1 KNAPSAC

2 TSP

3 CBUS

4 TAXI

5 BACP

6 Tổng kết

- Có N môn học và M kỳ học.
- Môn học i có số tín chỉ là c_i .
- $A_{ij} = 1$ cho biết môn học i cần được học trước môn học j .
- Cho hằng số a và b , tìm cách phân bổ các môn học vào các kỳ sao cho:
 - Số môn học mỗi kỳ nằm trong khoảng $[a, b]$.
 - Tổng số tín chỉ lớn nhất trong mọi học kỳ là nhỏ nhất.

- **Thuật toán 1:** Lựa chọn môn học cho từng kỳ
 - Với mỗi kỳ học, lựa chọn các môn học sẽ được học trong kỳ đó, biểu diễn tương tự bài toán cái túi. Lưu ý điều kiện mỗi môn học chỉ được xếp vào một kỳ.
 - Kiểm tra các ràng buộc của đề bài.
- **Thuật toán 2:** Lựa chọn kỳ học cho mỗi môn học
 - Với mỗi môn học, lựa chọn kỳ học cho môn học đó.
 - Kiểm tra các ràng buộc của đề bài

- **Thuật toán 3:** Lựa chọn môn học cho từng kỳ

- Tương tự như thuật toán 1.
- Với mỗi môn học i , duy trì danh sách các môn học tiên quyết nhưng chưa được xếp lịch, gọi là danh sách P_i .
- Tại mỗi kỳ học, chỉ được phép chọn các môn học có P_i rỗng, sau đó loại i khỏi P_j với $A_{ij} = 1$.

- **Thuật toán 4:** Lựa chọn kỳ học cho mỗi môn học

- Tương tự thuật toán 2.
- Với mỗi môn học i , duy trì một biến e_i là kỳ học sớm nhất mà môn học i có thể được xếp, khởi tạo $e_i = \infty$ các môn học có điều kiện tiên quyết, $e_i = 0$ với các môn học không có điều kiện tiên quyết.
- Lựa chọn kỳ học cho các môn học theo thứ tự topo.
- Khi chọn học kỳ cho môn học thứ i , chỉ được chọn các học kỳ $\geq e_i$.
- Mỗi khi lựa chọn kỳ học cho môn học thứ i , xét các môn học j có i là môn học tiên quyết và cập nhật lại $e_j = \max(st_k) + 1, \forall k | A_{kj} = 1$, với st_k là kỳ học của môn k .

Mục lục

1 KNAPSAC

2 TSP

3 CBUS

4 TAXI

5 BACP

6 Tổng kết

- **Tìm kiếm vết cạn**
- Tham lam
- Chia để trị
- Quy hoạch động
- ...

Cách thực thi chương trình

- Sử dụng vòng lặp
- Sử dụng hàm đệ quy
- ...

Phương pháp tìm kiếm

- Liệt kê lời giải
- Quay lui
 - Nhánh và cận
- ...

- $\text{Đệ quy} \neq \text{Quay lui} \neq \text{Nhánh và cận}$

Thuật toán ứng dụng

Bài thực hành số 2: Tìm kiếm vết cạn

TS. Đinh Viết Sang, TA. Đặng Xuân Vương



Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông

Ngày 20 tháng 12 năm 2020